

Câu 1-5:



Hiển thị đọc



Cho dạng thức câu điều kiện loại 3 của động từ trong ngoặc.

3



1. I _____ (not/ask) him if you had answered my question.

Bạn chưa trả lời câu hỏi này



would not have asked / wouldn't have asked

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về if chia 'had answered' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Tôi sẽ không hỏi anh ấy nếu bạn đã trả lời câu hỏi của tôi.

→ **would not have asked**

→ **wouldn't have asked**



2. If the bag _____ (not/be) expensive, we would have bought it.

Bạn chưa trả lời câu hỏi này



had not been / hadn't been

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về chính chia 'would have bought' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu chiếc túi sách không đắt, chúng tôi đã mua nó rồi.

- **had not been**
→ **hadn't been**



3. She would have arrived at the airport if she _____ (not/ have) an accident.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ **had not had / hadn't had**

Ẩn Giải thích

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế chính chia 'would have arrived' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Cô ấy đã tới sân bay nếu cô ấy không gặp tai nạn.

→ **had not had**

→ **hadn't had**

2



4. If they had gone to the beach, they _____ (enjoy) the afternoon.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ **would have enjoyed**

Ẩn Giải thích

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế if chia 'had gone' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu họ đi tới bãi biển, họ đã tận hưởng buổi chiều rồi.

→ **would have enjoyed**



5. She would have eaten the apple if it _____ (be) fresh.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

 **had been**

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về chính chia ‘would have eaten’ nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Cô ấy đã ăn trái táo nếu nó tươi.

→ **had been**

Câu 6-20:



Hiện thị đọc

Chọn đáp án đúng.



6. If it _____, we would have used the umbrella.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

 **A. had rained**

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về chính chia ‘would have used’ nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu trời mưa, chúng tôi đã dùng ô rồi.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. rains



7. If you had been careful, you _____.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. won't fall

☒ B. wouldn't have fallen

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế if chia 'had been' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu bạn cẩn thận, thì bạn đã không bị ngã.

→ **Chọn đáp án B**



8. He would have written a letter if he _____ a pencil.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. had had

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế chính chia 'would have written' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Anh ấy đã viết lá thư nếu anh ấy có bút chì.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. has



9. If I had read the story, I _____ the end of the film.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. will know

☒ B. would have known

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế if chia 'had read' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu tôi đọc câu chuyện, thì tôi đã biết kết phim rồi.

→ **Chọn đáp án B**



10. They would have finished the housework if they _____ tired.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. aren't

☒ B. hadn't been

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế chính chia 'would have finished' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Họ đã hoàn thành công việc nhà nếu họ không mệt mỏi.

→ **Chọn đáp án B**



11. She would have cleaned her room if she _____ busy.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. hadn't been

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế chính chia 'would have cleaned' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Cô ấy đã dọn phòng của mình nếu cô không bận.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. isn't



12. If he had studied hard, he _____ the exam.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. will pass

☒ B. would have passed

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế if chia 'had studied' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

TAILIEUONTHI.NET

Tạm dịch: Nếu anh ấy học hành chăm chỉ, anh đã sẽ đã vượt qua kỳ thi rồi.

→ **Chọn đáp án B**



13. If he hadn't got up late, he _____ the bus.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. will catch

☒ B. would have caught

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về if chia 'hadn't got' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu anh không dậy muộn thì anh đã đã bắt được xe buýt rồi.

→ **Chọn đáp án B**



14. If she _____ a coat, she wouldn't have felt cold.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. had worn

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về chính chia 'wouldn't have felt' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu cô ấy mặc áo khoác, cô đã không cảm thấy lạnh.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. wears



15. They _____ football if the weather had been nice.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. will play

☒ B. would have played

TAILIEUONTHI.NET

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế if chia 'had been' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Họ đã chơi bóng đá nếu thời tiết tốt.

→ **Chọn đáp án B**



16. If he _____ well, they would have won the game.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. plays

☒ B. had played

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế chính chia 'would have won' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu anh ấy chơi tốt, họ đã thắng trận đấu rồi.

→ **Chọn đáp án B**

1



17. We would have gone walking in the park if it _____ heavily.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. doesn't rain

☒ B. hadn't rained

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và vế chính chia 'would have gone' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Chúng tôi đã đi bộ trong công viên nếu trời không mưa to.

→ **Chọn đáp án B**



18. She _____ a song if she hadn't been shy.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. would have sung

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về if chia 'hadn't been' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Cô ấy đã hát một bài hát nếu cô ấy không ngại ngừng.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. sings



19. He would have eaten the cake if he _____ hungry.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. has been

☒ B. had been

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về chính chia 'would have eaten' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Anh ấy đã ăn chiếc bánh nếu anh ấy đói.

→ **Chọn đáp án B**



20. If I _____ the book, I would have read it.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. borrow

☒ B. had borrowed

[Ẩn Giải thích](#)

Câu điều kiện loại 3:

Ta thấy có If và về chính chia 'would have read' nên ta dùng câu điều kiện loại 3.

Cấu trúc: If S + had V (ed/ cột 3), S + would have + V (ed/ cột 3)

Tạm dịch: Nếu tôi mượn cuốn sách, tôi đã đọc nó rồi.

→ **Chọn đáp án B**

TAILIEUONTHI.NET